

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHIZOOO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHIZOOO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHIZOOO FOOD TECHNOLOGY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CHIZOOO FTD., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108868377

**3. Ngày thành lập:** 19/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

157 phố Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 097 66 77 976

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá)                                                                     | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật nhà nước cấm)                   | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632(Chính) |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 7.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690        |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719        |
| 10. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721        |
| 11. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722        |
| 12. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723        |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                     | 4781        |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                     | 5610        |
| 15. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                             | 5621        |
| 16. | Dịch vụ ăn uống khác (trừ cung cấp đồ ăn cho các hãng hàng không)                                                    | 5629        |

|     |                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                            | 5630 |
| 18. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                    | 1010 |
| 19. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                            | 1020 |
| 20. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                       | 1030 |
| 21. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                    | 1040 |
| 22. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                | 1050 |
| 23. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                        | 1061 |
| 24. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                      | 1062 |
| 25. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                      | 1071 |
| 26. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                     | 1072 |
| 27. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                | 1073 |
| 28. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                       | 1074 |
| 29. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                              | 1075 |
| 30. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                     | 1079 |
| 31. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ<br>Chi tiết: chuyển giao công nghệ chế biến thực phẩm ( Luật chuyển giao công nghệ 2017) | 7212 |
| 32. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                     | 8531 |
| 33. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                  | 8532 |
| 34. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                   | 8533 |
| 35. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                      | 8551 |
| 36. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                        | 8552 |
| 37. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                               | 8559 |
| 38. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                            | 8560 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 120.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THÙY | Thôn Phương Bán, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 84.000     | 840.000.000           | 70,000    | 033191000466                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 84.000     | 840.000.000           | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN HÓA  | Thôn Lam cầu 3, Xã An Hiệp, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 18.000     | 180.000.000           | 15,000    | 034091002400                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 18.000     | 180.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                      |                           |        |             |        |          |
|---|--------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|----------|
| 3 | ĐỒ TRUNG ĐỨC | Thôn An Bình, Xã Lô Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 18.000 | 180.000.000 | 15,000 | C1742481 |
|   |              |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |          |
|   |              |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |          |
|   |              |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |          |
|   |              |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |          |
|   |              |                                                                      | Tổng số                   | 18.000 | 180.000.000 | 15,000 |          |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033191000466

Ngày cấp: 06/10/2015

Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phương Bản, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Phương Bản, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội